

UBND QUẬN BÌNH THẠNH  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
CỬU LONG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ HỌC KỲ 1  
NĂM HỌC 2022 – 2023  
MÔN: TOÁN – LỚP 6  
Thời gian làm bài: 90 phút  
(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ HN

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3,0 điểm)

Câu 1: Số nào sau đây là số nguyên tố

- A. 1 B. 2 C. 4 D. 6

Câu 2: Số đối của 9 là:

- A. 8. B. -9. C. 9. D. -10.

Câu 3: Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là

- A. Cộng và trừ → Nhân và chia → Lũy thừa  
B. Nhân và chia → Cộng và trừ → Lũy thừa  
C. Lũy thừa → Cộng và trừ → Nhân và chia  
D. Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ

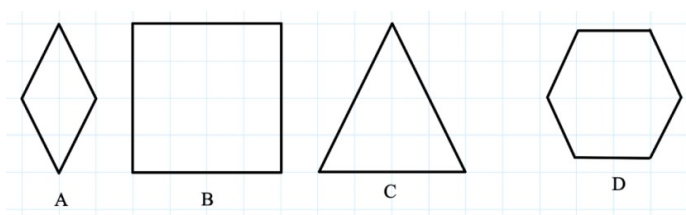
Câu 4: Số nào lớn nhất trong các số  $-10; 0; -14; 2$

- A.  $-10$  B.  $-14$  C.  $0$  D.  $2$

Câu 5: Kết quả của phép tính  $-45 + (-20)$  là

- A. 65 B. 25 C.  $-65$  D.  $-25$

Câu 6: Trong các hình sau hình nào là hình tam giác đều:



- A. Hình D B. Hình C C. Hình B D. Hình A

Câu 7: Trong hình chữ nhật

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.  
B. Hai đường chéo không bằng nhau.  
C. Hai đường chéo song song với nhau.  
D. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 8: Trong một buổi học Toán, cô giáo yêu cầu Trang nói về các phép tính trong tập hợp số tự nhiên mà Trang đã học. Trang liệt kê được dãy dữ liệu như sau: “cộng, trừ, nhân, hình bình hành”. Em hãy cho biết trong các dữ liệu được nêu ra thì dữ liệu nào không hợp lí?

- A. Nhân B. Hình bình hành C. Cộng D. Trừ

Câu 9: Hãy đọc bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A sau:

| Xếp loại hạnh kiểm | Tốt | Khá | Trung bình |
|--------------------|-----|-----|------------|
| Số học sinh        | 25  | 3   | 2          |

Em hãy cho biết lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

- A. 25 B. 3 C. 2 D. 30

Câu 10: Danh sách học sinh nhóm 1 của lớp 6A.

| STT | Họ và tên      |
|-----|----------------|
| 1   | Đoàn Minh Nhật |
| 2   | Nguyễn Văn Tài |
| 3   | Nguyễn Nhật    |
| 4   | 123 Bình Lợi   |

Bạn số mấy cung cấp thông tin không hợp lí

- A. 1.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 4

**Câu 11:** Thực hiện phép tính  $18 \cdot 26 + 26 \cdot 32$ . Kết quả là:

- A. 1 500.                      B. 1 300                      C. 258                      D. 1200

**Câu 12:** Bạn An vào nhà sách mua 12 cây bút, mỗi cây bút có giá 5000 đồng. Hỏi bạn An phải trả bao nhiêu tiền?

- A. 12 000 (đồng)                      B. 50 000 (đồng)                      C. 6000 (đồng)                      D. 60 000 (đồng)

## II. Tự luận (7,0 điểm)

**Câu 1. (1,5 điểm)**

- Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 10.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 12; -4; 9; -11
- Viết tập hợp các ước của 6.

**Câu 2. (1,5 điểm). Tính giá trị của biểu thức**

- $568 - [5(17 - 9) + 18]$
- $16.3 + 7^{16} : 7^{14}$

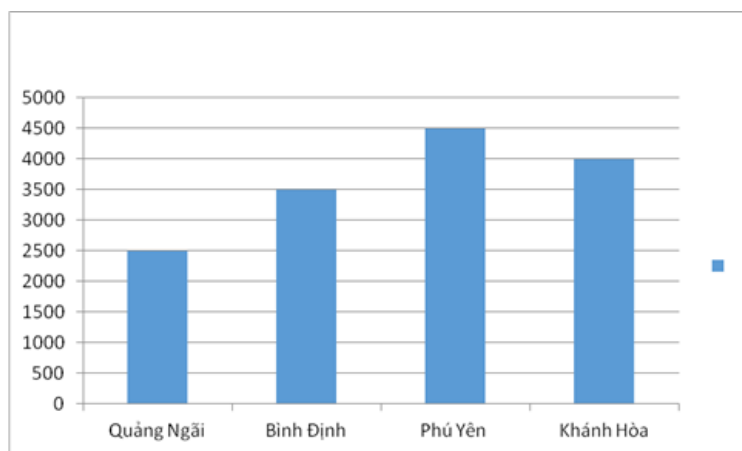
**Câu 3. (1,75 điểm)**

- Tìm, x biết  $x - 28 = -3$ .
- Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ. Tính số học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em.

**Câu 4. (1,25 điểm)** Một mảnh vườn dùng để trồng rau có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 12m và 5m.

- Em hãy tính diện tích mảnh vườn đó.
- Cho biết cứ  $4m^2$  đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

**Câu 5: (1,0 điểm)** Biểu đồ dưới đây nói về sản lượng cá ngừ đánh bắt được ở 4 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa trong năm 2020 (đơn vị tính theo tấn)



Nhìn biểu đồ, em hãy cho biết:

- Tỉnh nào đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất? Tại sao?
- Tỉnh Phú Yên đánh bắt nhiều hơn tỉnh Bình Định bao nhiêu tấn cá ngừ

**HẾT**

1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

| TT                | Chủ đề                                   | Nội dung/Đơn vị kiến thức                                                         | Mức độ đánh giá     |                         |                     |                    |          |                   |              |    | Tổng % điểm |
|-------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|---------------------|--------------------|----------|-------------------|--------------|----|-------------|
|                   |                                          |                                                                                   | Nhận biết           |                         | Thông hiểu          |                    | Vận dụng |                   | Vận dụng cao |    |             |
|                   |                                          |                                                                                   | TNKQ                | TL                      | TNKQ                | TL                 | TNKQ     | TL                | TNKQ         | TL |             |
| 1                 | Số tự nhiên (24 tiết)                    | Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên | 1<br>(TN1)<br>0,25  |                         | 1<br>(TN12)<br>0,25 |                    |          |                   |              |    | 32,5        |
|                   |                                          | Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung | 1<br>(TN2)<br>0,25  | 3<br>(TL1, 2, 3)<br>1,5 |                     |                    |          | 1<br>(TL7)<br>1   |              |    |             |
| 2                 | Số nguyên (15 tiết)                      | Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên         | 1<br>(TN3)<br>0,25  |                         | 1<br>(TN9)<br>0,25  |                    |          |                   |              |    | 32,5        |
|                   |                                          | Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên            | 1<br>(TN4)<br>0,25  |                         | 1<br>(TN10)<br>0,25 | 1<br>(TL6)<br>0,75 |          | 2 (TL4, 5)<br>1,5 |              |    |             |
| 3                 | Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết) | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.                                           | 1<br>(TN5)<br>0,25  |                         |                     |                    |          |                   |              |    | 17,5        |
|                   |                                          | Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.                         | 1<br>(TN6)<br>0,25  |                         |                     | 1 (TL8)<br>0,75    |          | 1 (TL9)<br>0,5    |              |    |             |
| 4                 | Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)        | Thu thập và tổ chức dữ liệu.                                                      | 2<br>(TN7,8)<br>0,5 |                         |                     |                    |          |                   |              |    | 17,5        |
|                   |                                          | Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.                                |                     | 1 (TL10)<br>0,5         | 1<br>(TN11)<br>0,25 | 1<br>(TL11)<br>0,5 |          |                   |              |    |             |
| Tổng: Số câu Điểm |                                          |                                                                                   | 8<br>2,0            | 4<br>2,0                | 4<br>1              | 3<br>2             |          | 4<br>3            |              |    | 10<br>10,0  |
| Tỉ lệ %           |                                          |                                                                                   | 40%                 |                         | 30%                 |                    | 30%      |                   |              |    | 100%        |
| Tỉ lệ chung       |                                          |                                                                                   | 70%                 |                         |                     |                    | 30%      |                   |              |    | 100%        |

UBND QUẬN BÌNH THẠNH  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
CỬU LONG

ĐỀ HN

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ HỌC KỲ 1  
NĂM HỌC 2022 – 2023  
MÔN: TOÁN – LỚP 6  
Thời gian làm bài: 90 phút  
(không kể thời gian phát đề)

**I. TRẮC NGHIỆM:** (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng chấm 0,25 điểm.

| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |  |
|------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|--|
| Đ/án | B | B | D | D | C | B | D | B | D | D  | B  | D  |  |

**I. TỰ LUẬN:** (7,0 điểm)

| Bài                  | Đáp án                                                                                                                | Điểm                 |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>1a</b><br>(0,5đ)  | Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 2; 3; 5; 7.                                                                           | 0,5                  |
| <b>1b</b><br>(0,5đ)  | - 11; - 4; 9; 12                                                                                                      | 0,5                  |
| <b>1c</b><br>(0,5đ)  | $U(6) = \{ 1; 2; 3; 6 \}$                                                                                             | 0,5                  |
| <b>2a</b><br>(0,75đ) | $568 - [5 (17 - 9) + 28]$ $= 568 - [5.8 + 28]$ $= 568 - [40 + 28]$ $= 568 - 68$ $= 500$                               | 0,5<br>0,25          |
| <b>2b</b><br>(0,75đ) | $16.3 + 7^{16} : 7^{14}$ $= 16.3 + 7^2$ $= 16.3 + 49$ $= 48 + 49$ $= 97$                                              | 0,25<br>0,25<br>0,25 |
| <b>3a</b><br>(0,75đ) | $x - 28 = -3$ $x = (-3) + 28$ $x = 25$                                                                                | 0,5<br>0,25          |
| <b>3b</b><br>(1,0đ)  | + Gọi số học sinh lớp 6A là x (học sinh) ( $x \in \mathbb{N}^*$ )<br>+ Vì khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ: |                      |

|                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|                      | <p>Nên: <math>x \in BC(2; 3; 4)</math><br/> + Tính được : <math>BCNN(2; 3; 4) = 12</math><br/> <math>\Rightarrow x \in BC(2; 3; 4) = B(12) = \{0; 12; 24; 36; \dots\}</math><br/> Và: số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em.<br/> Do đó: <math>x = 36</math><br/> Kết luận</p> |             |
| <b>4a</b><br>(0,5đ)  | <p>a/ Diện tích mảnh vườn :<br/> <math>5 \cdot 12 = 60 \text{ (m}^2\text{)}</math></p>                                                                                                                                                                                         | 0,5         |
| <b>4b</b><br>(0,75đ) | <p>b/ Số túi hạt giống cần để rải hết mảnh vườn<br/> là:<br/> <math>60 : 4 = 15 \text{ (túi)}</math></p>                                                                                                                                                                       | 0,5<br>0,25 |
| <b>5a</b><br>(0,5đ)  | a/ Vì $4500 > 4000 > 3500 > 2500$ . Nên tỉnh Phú Yên đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất                                                                                                                                                                                           | 0,5         |
| <b>5b</b><br>(0,5đ)  | <p>b/ Tỉnh Phú Yên đánh bắt nhiều hơn tỉnh Bình Định số tấn cá ngừ là<br/> <math>4500 - 3500 = 1000 \text{ (tấn)}</math></p>                                                                                                                                                   | 0,5         |